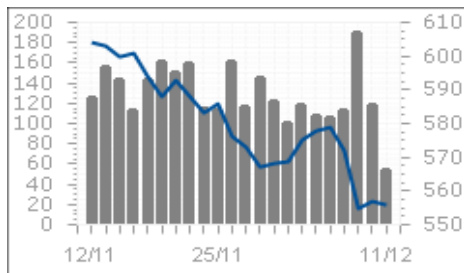


## HOSE

11/12/2014

VNINDEX	550.11	-7.08	-1.27%
KLGD	95,717,629	CP	
GTGD	1,674.38	Tỷ	
GTR NDTNN	-	15.05	Tỷ
CP Tăng giá	69	CP	
CP Giảm giá	146	CP	
CP Đứng giá	89	CP	



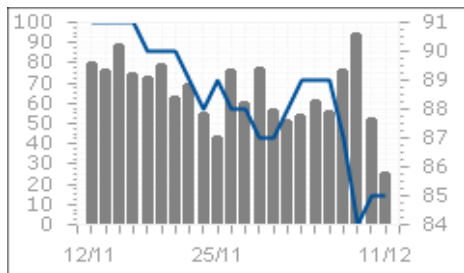
## Tâm điểm

- ▶ **Phục hồi bất thành, 2 sàn tiếp tục giảm điểm khá mạnh**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục sụt giảm mạnh, chỉ số 2 sàn đóng cửa thấp nhất trong NĐT Nước ngoài vẫn tiếp tục bán ròng trở lại trên HNX và HOSE**
- ▶ **Ngày 10/12: NHNN phát hành 1.578 tỷ tín phiếu, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục**  
Tính đến ngày 10/12/2014, lượng OMO còn trong lưu thông đạt 737 tỷ đồng  
NDH
- ▶ **Moody's nâng triển vọng ngân hàng Việt Nam từ "tiêu cực" lên "ổn định"**  
Môi trường hoạt động của ngân hàng Việt Nam bắt đầu ổn định  
DVO
- ▶ **Thâm hụt ngân sách Mỹ giảm mạnh trong tháng 11**  
Thâm hụt ngân sách tháng 11 của Chính phủ giảm xuống 56,8 tỷ USD  
Bloomberg
- ▶ **CNG ước lãi cả năm 120 tỷ đồng, vượt 9% kế hoạch**  
Sản lượng khí cả năm ước đạt 75 triệu sm3, vượt 7% kế hoạch  
Infonet
- ▶ **Giá dầu liên tục vỡ đáy, PVoil dự kiến không có lãi trong năm nay**  
Lượng hàng tồn kho của PV Oil các tháng gần đây luôn duy trì trên 300.000 m3  
Infonet

## HNX

11/12/2014

HNXINDEX	84.40	-0.82	-0.96%
KLGD	41,318,221	CP	
GTGD	713.55	Tỷ	
GTR NDTNN	-	12.90	Tỷ
CP Tăng giá	71	CP	
CP Giảm giá	120	CP	
CP Đứng giá	188	CP	



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	604.80	-6.01	-0.98%
HNX30	166.90	-2.38	-1.41%

## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,006,418	13.6	2.7	17.9%	9.3%
HNX	141,623	13.7	1.8	8.6%	4.2%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,148,041</b>	<b>14.0</b>	<b>2.6</b>	<b>17.7%</b>	<b>8.9%</b>

## Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,193	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,995	9.5	1.5	16.9%	10.5%
Khai khoáng	37,485	12.8	1.9	22.1%	10.6%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,435	89.2	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	25,275	13.8	1.5	13.8%	7.5%
Máy công nghiệp	32,726	31.9	1.2	0.1%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,789	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,799	8.5	1.5	18.4%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,022	10.3	2.7	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,134	10.8	2.0	21.5%	7.4%
Dược phẩm	188,655	24.3	4.6	18.5%	14.3%
Phần mềm	15,536	12.4	2.8	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,720	10.0	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,829	10.3	1.5	15.6%	7.2%
Bảo hiểm nhân thọ	146,536	12.0	3.8	32.3%	21.9%
Môi giới chứng khoán	25,382	20.2	2.1	10.4%	2.2%
Ngân hàng	27,777	11.9	1.5	11.0%	7.5%
Bất động sản	243,765	11.5	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	161,323	15.8	2.5	17.4%	4.5%
	35,507	8.0	1.7	21.9%	9.3%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Ngày 10/12: NHNN phát hành 1.578 tỷ tín phiếu, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục tăng**

**Moody's nâng triển vọng ngân hàng Việt Nam từ "tiêu cực" lên "ổn định"**

**Thâm hụt ngân sách Mỹ giảm mạnh trong tháng 11**

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**CNG ước lãi cả năm 120 tỷ đồng, vượt 9% kế hoạch**

**Giá dầu liên tục vỡ đáy, PVoil dự kiến không có lãi trong năm nay**

**Cảng Đình Vũ hoàn thành kế hoạch năm trong 11 tháng**

## ► Tin kinh tế

Ngày 10/12, NHNN không thực hiện bơm ra cũng như hút vào trên thị trường mở OMO. Như vậy, tính đến ngày 10/12/2014, lượng OMO còn trong lưu thông đạt 737 tỷ đồng. Trong ngày 10/12, NHNN phát hành 1.578 tỷ đồng tín phiếu, trong khi có 7.199 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Từ 15/3/2012 đến nay, NHNN đã phát hành tổng cộng 1.306.230 tỷ đồng tín phiếu, đã có 1.151.368 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn và còn 154.862 tỷ đồng tín phiếu chưa đáo hạn. Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn: qua đêm (4,11%), 1 tuần (4,16%), 1 tháng (4,3%) và 3 tháng (4,36%).

Cơ quan xếp hạng Moody's vừa công bố báo về xếp hạng của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Theo đó, triển vọng xếp hạng của hệ thống ngân hàng Việt Nam được nâng từ tiêu cực lên ổn định. Xếp hạng phản ánh tính ổn định môi trường hoạt động của ngân hàng cũng như tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam ngày càng tăng, trong khi đó sức ép thanh khoản đối với hệ thống ngân hàng ngày càng giảm. Báo cáo của Moody's chỉ ra, môi trường hoạt động của ngân hàng Việt Nam bắt đầu ổn định sau một vài năm tín dụng tăng trưởng quá nhanh. Lạm phát và lãi suất giảm đáng kể so với 2 năm trước, trong khi sức ép tỷ giá giảm. Một số xếp hạng của Moody's đối với 9 ngân hàng lớn: Tín dụng cơ bản trung bình ở mức caa1, sức mạnh tài chính độc lập trung bình ở mức E...

Bộ Tài chính Mỹ cho biết, thâm hụt ngân sách tháng 11 của Chính phủ giảm xuống 56,8 tỷ USD, thấp hơn nhiều so với mức thâm hụt 135,2 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, trong tháng 11: doanh thu ngân sách đạt 191,4 tỷ USD, cao hơn 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi chi tiêu lại giảm 21,9% xuống 248,3 tỷ USD. Như vậy, tổng thâm hụt ngân sách Mỹ trong 2 tháng đầu tiên của năm tài chính 2015 giảm từ 225,8 tỷ USD xuống còn 178,5 tỷ USD. Sau 3 tháng đầu năm trì trệ, kinh tế Mỹ đang dần lấy lại đà phục hồi mạnh mẽ bất chấp kinh tế toàn cầu tăng trưởng yếu ớt. Thị trường lao động Mỹ cũng theo đó cải thiện khi các doanh nghiệp tăng cường tuyển dụng giảm ngân sách cho trợ cấp thất nghiệp.

## ► Tin doanh nghiệp

HDQT Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (HOSE: Mã CNG) vừa thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014. Cụ thể, sản lượng khí cả năm ước đạt 75 triệu sm<sup>3</sup>, vượt 7% kế hoạch. Doanh thu cả năm ước đạt 1.115 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 148 tỷ đồng, lần lượt vượt 10% và 21% so với kế hoạch cả năm. Đồng thời, HDQT cũng thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2015, với sản lượng tiêu thụ 75 triệu sm<sup>3</sup> khí, doanh thu 1.063 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 136 tỷ đồng. Kết quả này thấp hơn so với ước tính doanh thu, lợi nhuận năm 2014. Năm 2015, công ty dự kiến đầu tư 256,27 tỷ đồng vào các dự án chuyển tiếp và đầu tư mới. Cụ thể, đầu tư mới 174,71 tỷ đồng vào Dự án Cấp khí cho Viglacera; đầu tư 50,82 tỷ đồng phát triển thị trường và 30,74 tỷ đồng vào các dự án đầu tư PRU, trạm trung tâm.

Tổng Công ty dầu Việt Nam (PV Oil) vừa có văn bản gửi Bộ Tài Chính, Bộ Công Thương về việc giá dầu thế giới liên tục khiến doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn. Theo đó, giá dầu thô giảm mạnh trong thời gian qua đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác nguồn hàng trong nước nhưng PV Oil đã chấp hành dự trữ lưu thông theo quy định tối thiểu 30 ngày kinh doanh bình quân. Cụ thể, lượng hàng tồn kho của PV Oil trong các tháng gần đây luôn duy trì trên 300.000 m<sup>3</sup> xăng dầu các loại (chưa bao gồm tồn kho nguyên liệu 80.000-100.000 m<sup>3</sup>) trong khi sản lượng xuất bán trung bình khoảng 220.000m<sup>3</sup>. Kể từ tháng 7/2014 đến tháng 11/2014, giá vốn hàng tồn kho của PVOIL đã cao hơn rất nhiều giá bán lẻ hiện hành, dự kiến kết quả kinh doanh lũy kế PV OIL trong năm 2014 sẽ không có lãi, trong đó phát sinh lỗ thực tế kể từ tháng 8/2014.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (HOSE: Mã DVP) vừa công bố hoàn thành kế hoạch năm 2014 trong 11 tháng. Theo đó, sản lượng đạt 519.341 TEU, doanh thu đạt 532,12 tỷ đồng, lần lượt vượt kế hoạch năm 4% và 6,4%. Năm 2014, Cảng Đình Vũ đặt kế hoạch sản lượng 500.000 TEU, doanh thu 500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 195 tỷ đồng. Cổ tức dự kiến chi trả tỷ lệ 20%, tương đương mức trả cổ tức năm 2013.

**HOSE** 11/12/2014 VNINDEX 550.11 -7.08 -1.27% 95,717,629 CP 1,674.38 bil VND

### Phục hồi bất thành, 2 sàn tiếp tục giảm điểm khá mạnh

VN-Index giảm 7.08 điểm (-1.27%), đóng cửa tại mức 550.11 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, cây nến gần giống nến Doji, Chỉ số này vẫn tiếp tục giảm điểm khá mạnh so với phiên hôm qua.

- MACD vẫn đang đi xuống, điều này cho thấy xu hướng giảm điểm của VN-Index vẫn tiếp diễn.

- Stochastic Oscillator đi vào vùng quá bán.

- RSI (14) sụt giảm mạnh và đi về vùng quá bán tương đương với mức 27.



### HOSE Top 5 theo KLGD

OGC	0.2 (2.5%)	8,937,730
FLC	-0.2 (-1.8%)	6,961,120
VHG	-0.9 (-6.9%)	4,819,640
CII	0.4 (2.0%)	4,627,870
ITA	-0.1 (-1.2%)	4,383,940

### HOSE Top 5 theo % tăng

HOT	2 (6.9%)	1,110
TYA	0.7 (6.7%)	295,630
TNT	0.2 (6.5%)	422,890
CCI	0.9 (6.4%)	120
TIC	0.7 (6.1%)	33,570

### HOSE Top 5 theo % giảm

VHG	-0.9 (-6.9%)	4,819,640
LGC	-2.1 (-6.8%)	7,260
VSI	-0.8 (-6.7%)	2,030
HVX	-0.4 (-6.6%)	3,930
PXS	-1.6 (-6.4%)	602,850

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	11,1 tỷ	177,770
VIC	8,9 tỷ	183,700
NBB	5,5 tỷ	260,600
MSN	5,2 tỷ	62,540
VHC	4,1 tỷ	104,780

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-51,3 tỷ	2,266,110
GAS	-23,1 tỷ	322,980
KDC	-15,3 tỷ	311,330
VCB	-13,8 tỷ	456,020
SAM	-10,8 tỷ	760,750

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-597,460	- 15.05

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đợt phục hồi đã không xảy ra, đà giảm của VN-Index diễn ra ngay từ đầu phiên hôm nay khi nhóm dầu khí tiếp tục giảm giá. VN-Index đóng cửa ở mức thấp trong phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 86 triệu cổ phiếu. Thanh khoản thị trường tiếp tục sụt giảm khá mạnh, nhìn chung giới đầu tư vẫn đang rất thận trọng.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 15 tỷ. Nhìn chung nhịp bán ròng của khối ngoại vẫn chưa dừng lại, vì vậy rủi ro VN-Index tiếp tục giảm điểm vẫn còn.
- ▶ VN-Index liên tục phá vỡ các ngưỡng hỗ trợ quan trọng một phần do ảnh hưởng tâm lý thái quá tuy nhiên việc khối ngoại vẫn bán ròng khiến chúng tôi khá lo ngại.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc mua thêm chỉ nên diễn ra khi thị trường có dấu hiệu hồi phục trở lại và thanh khoản gia tăng.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	71.0	134,545.00	12.2	4.0	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	99.0	99,011.74	17.0	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	29.7	79,151.10	17.4	1.9	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.2	70,109.56	18.2	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	81.0	59,600.46	- 485.9	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.2	52,872.34	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	52.5	25,300.18	8.1	2.2	30.2%	14.7%
BVH	680.5	36.6	24,905.25	20.2	2.1	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	17.8	20,336.71	8.5	1.2	14.3%	1.4%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
HAG	789.9	22.7	17,930.71	9.5	1.2	29.5	MUA
KBC	389.8	16.0	6,236.16	14.9	1.2	NA	TH.DOI
HCM	127.2	33.9	4,313.08	10.4	1.8	NA	TH.DOI
VCB	2,665.0	29.7	79,151.10	17.4	1.9	19.4	BAN
SSI	353.8	29.3	10,366.19	14.7	1.9	NA	TH.DOI
TDC	100.0	11.5	1,150.00	7.1	1.1	NA	TH.DOI

**HNX** 11/12/2014 HNX-Index 84.40 -0.82 -0.96% 41,318,221 CP 713.55 bil. VND

### Phục hồi bất thành, 2 sàn tiếp tục giảm điểm khá mạnh

Chỉ số HNX-Index giảm 0.82 điểm (-0.96%), đóng cửa tại mốc 84.40 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ thân nến vừa phải, chỉ số này tiếp tục mất điểm khá mạnh, dập tắt khả năng phục hồi đã có ở phiên hôm qua

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà giảm và có dấu hiệu đi lên, tuy nhiên vẫn chưa cho tín hiệu mua trở lại.

- MACD tiếp tục sụt giảm khá mạnh.

- HNX-Index đã phá vỡ kênh tăng điểm trung hạn và đã chuyển sang xu hướng giảm điểm, vì vậy rủi ro vẫn đang khá lớn.



### HNX Top 5 theo KLGD

KLF	-0.4 (-3.1%)	7,585,000
SHB	-0.1 (-1.1%)	2,720,700
PVS	-1.4 (-5.0%)	2,653,350
PVX	-0.1 (-1.7%)	2,093,580
SQC	0 (0.0%)	2,000,000

### HNX Top 5 theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	-
TSB	0.9 (10.0%)	100
CMC	0.4 (9.5%)	150
NGC	1.9 (9.5%)	2,300
NHA	0.5 (9.4%)	5,600

### HNX Top 5 theo % giảm

VIE	-0.3 (-10.0%)	900
DBT	-1.8 (-9.8%)	7,800
PVB	-4.1 (-9.8%)	393,000
L43	-0.5 (-8.5%)	200
DNP	-2.3 (-8.4%)	300

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

VND	0,9 tỷ	71,000
D11	0,7 tỷ	51,300
SHB	0,7 tỷ	76,400
MAS	0,6 tỷ	6,500
THB	0,2 tỷ	8,600

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-8,3 tỷ	303,800
NTP	-2,9 tỷ	58,100
LAS	-2,5 tỷ	75,500
VCG	-1,4 tỷ	107,700
DBC	-0,8 tỷ	30,300

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HNX	-322,200	- 12.90

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đợt phục hồi đã không xảy ra, đà giảm của HNX-Index diễn ra ngay từ đầu phiên hôm nay khi nhóm dầu khí tiếp tục giảm giá. HNX-Index đóng cửa ở mức thấp trong phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 39 triệu cổ phiếu. Thanh khoản thị trường tiếp tục sụt giảm khá mạnh, nhìn chung giới đầu tư vẫn đang rất thận trọng.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 12,9 tỷ. Nhìn chung nhịp bán ròng của khối ngoại vẫn chưa dừng lại, vì vậy rủi ro HNX-Index tiếp tục giảm điểm vẫn còn.
- ▶ HNX-Index liên tục phá vỡ các ngưỡng hỗ trợ quan trọng một phần do ảnh hưởng tâm lý thái quá tuy nhiên việc khối ngoại vẫn bán ròng khiến chúng tôi khá lo ngại.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc mua thêm chỉ nên diễn ra khi thị trường có dấu hiệu hồi phục trở lại và thanh khoản gia tăng.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	25.9	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	26.7	11,926.90	7.6	1.4	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.6	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.4	5,918.92	9.1	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.2	4,097.88	13.1	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.0	2.0	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.6	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	34.2	2,661.85	7.2	2.0	25.6%	14.6%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
AAA	39.6	16.6	657.36	6.4	1.2	NA	TH.DOI
BVS	72.2	14.3	1,032.80	10.9	0.8	NA	TH.DOI
DBC	62.7	27.3	1,712.85	9.4	1.0	NA	TH.DOI
PLC	70.3	35.0	2,459.08	10.1	1.9	NA	TH.DOI
ICG	20.0	8.6	172.00	12.0	0.7	NA	TH.DOI
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.6	0.8	NA	TH.DOI



## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	15.79%	81.0	- 485.89	4.31	157,195	134,433	188,712
VIC	HOSE	1,454.6	70,109.56	12.97%	48.2	18.21	3.84	864,594	1,075,906	1,660,194
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	9.83%	65.0	8.53	1.85	1,284,886	913,315	660,114
HPG	HOSE	481.9	25,300.18	11.70%	52.5	8.08	2.23	546,933	478,980	588,633
HAG	HOSE	789.9	17,930.71	7.43%	22.7	9.53	1.23	3,855,064	3,163,800	3,958,470
KDC	HOSE	255.2	13,268.38	6.11%	52.0	20.48	1.87	875,113	1,332,626	962,199
STB	HOSE	1,142.5	20,336.71	5.84%	17.8	8.49	1.17	148,613	211,237	378,051
VCB	HOSE	2,665.0	79,151.10	5.72%	29.7	17.39	1.85	666,994	459,591	426,460
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	4.32%	31.2	9.93	1.29	998,503	719,065	673,823
KBC	HOSE	389.8	6,236.16	2.92%	16.0	14.89	1.20	2,658,599	3,536,461	4,866,463
ITA	HOSE	718.9	6,038.81	2.87%	8.4	50.04	0.77	6,458,687	6,244,389	6,497,500
HSG	HOSE	96.3	4,767.50	1.94%	49.5	11.60	2.00	100,826	118,134	301,883
BVH	HOSE	680.5	24,905.25	1.87%	36.6	20.19	2.12	143,056	181,515	258,049
HVG	HOSE	132.0	3,973.19	1.55%	30.1	13.85	1.67	870,532	1,118,422	1,645,637
FLC	HOSE	314.9	3,463.83	1.63%	11.0	6.57	0.93	15,658,610	20,661,756	15,534,141
PPC	HOSE	318.2	8,971.96	1.58%	28.2	12.50	1.69	412,281	302,244	450,973
DRC	HOSE	83.1	4,402.91	1.31%	53.0	12.62	3.04	141,394	91,040	127,533
PVT	HOSE	255.9	3,965.79	1.41%	15.5	14.03	1.36	2,549,287	2,578,909	2,267,878
CSM	HOSE	67.3	2,859.91	1.32%	42.5	8.20	2.25	53,603	78,717	151,143
VSH	HOSE	206.2	2,804.88	1.16%	13.6	19.15	1.04	307,968	347,951	465,306
OGC	HOSE	300.0	2,460.00	0.52%	8.2	13.92	0.74	4,775,201	5,607,461	5,576,296

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	9.19%	81.0	- 485.89	4.31	157,195	134,433	188,712
VIC	HOSE	1,454.6	70,109.56	8.04%	48.2	18.21	3.84	864,594	1,075,906	1,660,194
VCB	HOSE	2,665.0	79,151.10	8.34%	29.7	17.39	1.85	666,994	459,591	426,460
STB	HOSE	1,142.5	20,336.71	6.71%	17.8	8.49	1.17	148,613	211,237	378,051
PVS	HNX	446.7	11,926.90	4.15%	26.7	7.56	1.44	3,667,185	2,627,090	2,992,976
BVH	HOSE	680.5	24,905.25	4.62%	36.6	20.19	2.12	143,056	181,515	258,049
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	4.72%	31.2	9.93	1.29	998,503	719,065	673,823
HAG	HOSE	789.9	17,930.71	3.85%	22.7	9.53	1.23	3,855,064	3,163,800	3,958,470
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	3.04%	65.0	8.53	1.85	1,284,886	913,315	660,114
PPC	HOSE	318.2	8,971.96	3.76%	28.2	12.50	1.69	412,281	302,244	450,973
ITA	HOSE	718.9	6,038.81	3.23%	8.4	50.04	0.77	6,458,687	6,244,389	6,497,500
FLC	HOSE	314.9	3,463.83	2.75%	11.0	6.57	0.93	15,658,610	20,661,756	15,534,141
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.71%	8.7	9.64	0.75	3,822,615	3,274,344	4,067,449
VCG	HNX	441.7	5,918.92	2.28%	13.4	9.09	1.07	2,030,158	1,777,417	1,622,288
PVT	HOSE	255.9	3,965.79	1.71%	15.5	14.03	1.36	2,549,287	2,578,909	2,267,878
OGC	HOSE	300.0	2,460.00	1.35%	8.2	13.92	0.74	4,775,201	5,607,461	5,576,296
DRC	HOSE	83.1	4,402.91	0.94%	53.0	12.62	3.04	141,394	91,040	127,533
IJC	HOSE	274.2	3,811.30	0.69%	13.9	22.49	1.32	830,955	639,442	820,397
PVX	HNX	400.0	2,280.00	0.00%	5.7	- 2.53	2.51	5,200,727	5,793,850	7,203,191

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,109.56	0.00%	48.2	18.21	3.84	864,594	1,075,906	1,660,194
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	0.00%	81.0	- 485.89	4.31	157,195	134,433	188,712
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	0.00%	31.2	9.93	1.29	998,503	719,065	673,823
HAG	HOSE	789.9	17,930.71	0.00%	22.7	9.53	1.23	3,855,064	3,163,800	3,958,470
VCB	HOSE	2,665.0	79,151.10	0.00%	29.7	17.39	1.85	666,994	459,591	426,460
STB	HOSE	1,142.5	20,336.71	0.00%	17.8	8.49	1.17	148,613	211,237	378,051
BVH	HOSE	680.5	24,905.25	0.00%	36.6	20.19	2.12	143,056	181,515	258,049
CTG	HOSE	3,723.4	52,872.34	0.00%	14.2	9.74	0.97	329,921	220,212	290,644
GAS	HOSE	1,895.0	134,545.00	0.00%	71.0	12.16	3.96	805,682	576,881	483,690

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	1.18%	81.0	- 485.89	4.31	157,195	134,433	188,712
VIC	HOSE	1,454.6	70,109.56	1.17%	48.2	18.21	3.84	864,594	1,075,906	1,660,194
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	0.45%	65.0	8.53	1.85	1,284,886	913,315	660,114
STB	HOSE	1,142.5	20,336.71	0.39%	17.8	8.49	1.17	148,613	211,237	378,051
VCB	HOSE	2,665.0	79,151.10	0.36%	29.7	17.39	1.85	666,994	459,591	426,460
BVH	HOSE	680.5	24,905.25	0.00%	36.6	20.19	2.12	143,056	181,515	258,049

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,193	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,995	9.5	1.5	16.9%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,875	15.2	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	919	6.6	1.0	14.2%	7.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,485	12.8	1.9	22.1%	10.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,998	3.7	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,435	89.2	6.2	-4.1%	-3.4%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,275	13.8	1.5	13.8%	7.5%
Xây dựng	32,726	31.9	1.2	0.1%	2.2%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,243	9.7	1.2	15.8%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,058	7.0	1.1	16.8%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,685	8.3	1.6	18.7%	6.5%
Thiết bị điện	2,099	- 32.5	1.3	3.1%	0.7%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	76	24.9	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,789	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,600	- 3.4	1.1	4.9%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,799	8.5	1.5	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,995	7.6	1.6	23.1%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,521	17.8	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	257	13.3	0.8	6.8%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	194	8.9	0.9	12.5%	4.9%
Chất thải & Môi trường	213	3.2	1.0	33.9%	15.7%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,416	14.4	1.4	14.7%	7.3%
Lốp xe	8,022	10.3	2.7	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,715	7.6	1.4	17.7%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	319	16.1	2.2	14.8%	9.9%
Đồ uống & giải khát	225	6.3	1.1	14.7%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,134	10.8	2.0	21.5%	7.4%
Thực phẩm	188,655	24.3	4.6	18.5%	14.3%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	72	20.3	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,135	8.5	1.5	19.5%	9.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	530	63.9	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,757	8.8	1.7	19.3%	7.6%
Giày dép	12	- 1.7	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,342	10.7	2.0	18.5%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	697	- 10.0	1.1	2.4%	4.8%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,969	9.5	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	163	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	240	10.2	1.4	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,536	12.4	2.8	22.3%	14.8%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	261	-	41.5	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	735	10.2	1.2	13.7%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,914	10.1	1.7	18.7%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,156	9.5	1.0	10.1%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,651	55.4	2.5	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,011	21.5	1.5	9.6%	7.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,741	18.5	3.5	23.5%	20.0%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	741	11.0	0.9	8.8%	3.3%
Internet	392	82.7	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,720	10.0	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	462	15.8	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	297	5.7	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,155	35.1	6.6	33.3%	11.2%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,829	10.3	1.5	15.6%	7.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	146,536	12.0	3.8	32.3%	21.9%
Nước	1,262	6.7	1.1	17.0%	11.6%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,615	9.6	1.1	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,915	11.8	0.8	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,753	8.6	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,382	20.2	2.1	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,767	9.6	1.3	14.7%	9.5%
Môi giới chứng khoán	27,777	11.9	1.5	11.0%	7.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	243,765	11.5	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	161,323	15.8	2.5	17.4%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,507	8.0	1.7	21.9%	9.3%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.